

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN PHỔI

Số: 144 /TM-BVP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Nghệ An, ngày 27 tháng 02 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Phổi Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: **“Mở cổng phụ số 2A và sửa chữa cổng vào khu vực phụ trợ số 03 Bệnh viện Phổi Nghệ An”** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phổi Nghệ An
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Bà Hoàng Thị Thơm –Thư kí Tổ đấu thầu;
 - Địa chỉ: Bệnh viện Phổi Nghệ An, xã Nghi Vạn- huyện Nghi Lộc- Nghệ An.
 - Số điện thoại: 0918352777
 - Email: dauthau.bvpna@gmail.com

3. Các thức tiếp nhận báo giá:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp có thể gửi báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận qua Email: dauthau.bvpna@gmail.com;
- Nhận qua đường bưu chính, thông tin như sau:

Bà Hoàng Thị Thơm –Thư kí Tổ đấu thầu;

Bệnh viện Phổi Nghệ An (Xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.)

Số điện thoại: 0918352777

Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 27/02/2025 đến hết ngày 08/03/2025.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.)

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 08/03/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Quy mô: Theo bảng khối lượng kèm theo (Phụ lục 1)
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Phổi Nghệ An (địa chỉ: Xã Nghi Vạn, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An)
- Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:
 - Quy mô thực hiện: Phụ lục 1;



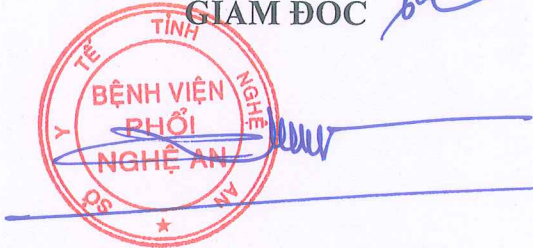
- Bảng báo giá: Phụ lục 2;

Bệnh viện kính mời các đơn vị quan tâm, có năng lực cung ứng gửi báo giá và các tài liệu liên quan.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Website bệnh viện;
- Lưu VT, TĐT.

GIÁM ĐỐC 


Đậu Huy Hoàn



PHỤ LỤC 1

BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC SỬA CHỮA

(Kèm theo Thư mời số: 44/TM-BVP ngày 27 / 022025)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
I	Mở cổng phụ số 2A		
1	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao ≤6m	m2	53,0600
2	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao ≤6m	tấn	0,4594
3	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	16,4440
4	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤1 cm	m3	3,8584
5	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kw	m3	1,6280
6	Phá dỡ nền - Nền bê tông, không cốt thép	m3	10,1875
7	Chuyển khung lưới B40, xà gỗ, mái tôn. vì kèo về kho tập kết (trộn gói)	gói	1,0000
8	Bóc xếp các loại vật liệu rời lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công, sỏi, đá dăm các loại	m3	17,9057
9	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 2,5T	m3	17,9057
10	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng ≤1m, sâu ≤1m - Cấp đất III	1m3	3,3477
11	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤250cm, M150, đá 4x6, PCB40	m3	0,3920
12	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤250cm, M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,8097
13	Ván khuôn móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m2	0,0192
14	Lắp dựng cốt thép móng, DK ≤10mm	tấn	0,0258
15	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	m3	1,1159
16	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD ≤0,1m2, chiều cao ≤6m, M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,2778

17	Ván khuôn cột - Cột vuông, chữ nhật	100m ²	0,0505
18	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, DK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0080
19	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, DK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0358
20	Xây cột, trụ bằng gạch đất sét nung 6,5x10,5x22cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, PCB40	m ³	1,8606
21	Xây tường thẳng bằng gạch đất sét nung 6,5x10,5x22cm - Chiều dày ≤1 cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, PCB40	m ³	0,5856
22	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	12,4360
23	Ôp đá granite tự nhiên vào tường sử dụng keo dán	m ²	12,8160
24	Đắp phào đơn, vữa XM M100, PCB40	m	14,4000
25	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M250, đá 1x2, PCB40	m ³	2,5469
26	Khung lưới B40 gara trên đoạn tường xây mới	m ²	16,9560
27	Cửa công sắt hộp sơn tĩnh điện (giá hoàn thiện chưa bao gồm khóa)	m ²	14,8320
II	Sửa chữa công vào khu vực phụ trợ số 03		
1	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m ²	7,9200
2	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤11cm	m ³	2,7444
3	Phá dỡ nền - Nền bê tông, không cốt thép	m ³	1,1760
4	Chuyển cửa về kho tập kết (trộn gói)	gói	1,0000
5	Bốc xếp các loại vật liệu rời lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công, sỏi, đá đảm các loại	m ³	8,0428
6	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 2,5T	m ³	8,0428
7	Đào móng bằng bằng thủ công, rộng ≤3m, sâu ≤1m - Cấp đất III	1m ³	1,1621
8	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng ≤1m, sâu ≤1m - Cấp đất III	1m ³	5,0215
9	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤250cm, M150, đá 4x6, PCB40	m ³	0,9055

10	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	1,2145
11	Ván khuôn móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m2	0,0288
12	Lắp dựng cốt thép móng, DK $\leq 10\text{mm}$	tấn	0,0387
13	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,5822
14	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0613
15	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, DK $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0136
16	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, DK $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0525
17	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	m3	2,0612
18	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD $\leq 0,1\text{m}^2$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,3901
19	Ván khuôn cột - Cột vuông, chữ nhật	100m2	0,0709
20	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, DK $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0115
21	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, DK $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0513
22	Xây cột, trụ bằng gạch đất sét nung 6,5x10,5x22cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, PCB40	m3	2,1195
23	Xây tường thẳng bằng gạch đất sét nung 6,5x10,5x22cm - Chiều dày $\leq 11\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, PCB40	m3	1,3306
24	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	28,2912
25	Ôp đá granit tự nhiên vào tường sử dụng keo dán	m2	16,2080
26	Đắp phào đơn, vữa XM M100, PCB40	m	16,0000
27	Quét nước xi măng 2 nước	m2	27,2160
28	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M250, đá 1x2, PCB40	m3	1,0000
29	Cửa cổng sắt hộp sơn tĩnh điện (giá hoàn thiện chưa bao gồm khoá)	m2	14,5700

PHỤ LỤC 2
BIỂU MẪU HỒ SƠ BÁO GIÁ

(Kèm theo thư mời số: 44/TM-BVP ngày 2 tháng 2 năm 2025)

Kính gửi: Bệnh viện Phổi Nghệ An

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Phổi Nghệ An, chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các công việc như sau:

1. Báo giá cung cấp cho gói thầu:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (Đã có VAT)	Thành tiền (Đã có VAT)	Ghi chú
1						
2						
n						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.... Ngày (Tới thiểu 90 ngày) kể từ ngày 08/03/2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày ... tháng ... năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁰⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

